

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-PT
Ngày 30 - 11 - 2023
V/v Chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc *Chia di sản thừa kế*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thọ B, sinh năm 1948.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Ông B vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – anh Nguyễn Trường G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Theo Nguyên đơn – anh Nguyễn Trường G:**

Bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Thọ B (sinh năm 1948) và bà Trịnh Thị T (sinh năm 1951, chết năm 2018) có 02 con chung là anh và chị gái anh là Nguyễn Thị Thanh H. Bà T chết không để lại di chúc.

Ông B, bà T có khối tài sản chung bao gồm:

- Căn nhà số B, căn cứ B, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Sau khi mẹ anh chết, năm 2019 bố anh bán căn nhà này, sau khi chi trả tất cả các khoản phí còn được 11.000.000.000 đồng và đã phân chia như sau:

Ông B được hưởng 50% giá trị ngôi nhà là 5.500.000.000 đồng cộng với 1/3 của 50% giá trị còn lại là 1.833.000.000 đồng = 7.333.000.000 đồng, chị anh đã nhận đủ 1.833.000.000 đồng và mua nhà định cư tại thành phố Hồ Chí Minh. Riêng anh cho đến ngày 11/7/2023 đã nhận 1.800.000.000 đồng, số còn lại 33.000.000 đồng ông B chưa trả cho anh.

- Căn nhà và thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình, hiện nay ông B đang quản lý, sử dụng; trị giá khoảng 1.200.000.000 đồng.

Vì vậy, anh khởi kiện bố anh và yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông B phải trả nốt cho anh số tiền 33.000.000 đồng;

+ Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bà T là ngôi nhà và thửa đất số 542 tại thôn P, xã T theo pháp luật, anh đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng giá trị là 200.000.000 đồng.

*** Theo Bị đơn - ông Nguyễn Thọ B:**

Vợ ông là bà Trịnh Thị T (sinh năm 1951, chết ngày 05/4/2018). Ông và bà T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Trường G. Khi chết, bà T không để lại di chúc.

Khi bà T còn sống, ông bà tạo lập được khối tài sản chung là 01 căn nhà tại số B, khu C, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi bà T chết, ông đã bán căn nhà này với giá 10.800.000.000 đồng (sau khi đã trừ chi phí giao dịch và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước) và phân chia như sau: Ông nhận số tiền 7.200.000.000 đồng (bao gồm ½ số tiền bán nhà là 5.400.000.000 đồng và 1.800.000.000 đồng 01 suất thừa kế của bà T); chị H được nhận số tiền 1.800.000.000 đồng; anh G được nhận số tiền 1.800.000.000 đồng. Anh G đã

nhận đủ số tiền trên thể hiện tại Biên bản phân chia tài sản thừa kế đề ngày 14/01/2022, có chữ ký của anh và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Ngoài căn nhà này, ông và bà T không còn tài sản chung nào khác.

Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H mang tên vợ chồng ông Từ Minh K và bà Nguyễn Thị N, hiện nay do ông không có chỗ ở nên ông K, bà N cho ông ở nhờ để trông coi, sử dụng.

Mặt khác sau khi phân chia di sản thừa kế, năm 2021 ông đã dùng tiền cá nhân của mình mua cho anh G một căn nhà ở thành phố T với số tiền 680.000.000 đồng và 01 xe ô tô với số tiền 550.000.000 đồng. Các giấy tờ mua bán nhà, xe ông đều đã giao cho anh G, anh G cũng đã thừa nhận việc này. Ngày 28/12/2021, ông còn trả nợ thay cho anh G số tiền 230.000.000 đồng anh G đã vay của anh Nguyễn Xuân T1 ở thôn Đ, xã T, thành phố T.

Ông nộp tài liệu chứng minh là Bản cam kết ngày 28/3/2023, trong đó anh G thừa nhận: anh G đã nhận đủ số tiền 1.800.000.000 đồng, bà T không còn để lại di sản nào khác, tài sản ông B đang quản lý ở thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình là tài sản riêng của ông B, được tạo lập sau khi bà T chết, anh không có đóng góp gì vào khối tài sản này, cam kết không có ý kiến tranh chấp gì về di sản của bà T để lại, cam kết không làm điều gì ảnh hưởng đến ông B, ông B đã hỗ trợ anh thêm số tiền 200.000.000 đồng.

Vì vậy ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh G.

*** Theo Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Thanh H:**

Bố mẹ đẻ chị là ông Nguyễn Thọ B và bà Trịnh Thị Thục s được 02 con chung là chị và em trai chị là Nguyễn Trường G. Bà T chết năm 2018 không để lại di chúc. Tài sản chung của bố mẹ chị là 01 căn nhà tại phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mẹ chị mất, bố chị đã bán căn nhà này được số tiền 10.800.000.000 đồng. Ba bố con đã tự phân chia: Ông Bát nhận số tiền 7.200.000.000 đồng (bao gồm ½ số tiền bán nhà là 5.400.000.000 đồng và 1.800.000.000 đồng tiền 01 suất thừa kế của bà T); chị được nhận số tiền 1.800.000.000 đồng; anh G được nhận số tiền 1.800.000.000 đồng, thể hiện tại Biên bản phân chia tài sản thừa kế ngày 14/01/2022, có xác nhận của UBND xã T. Ngoài tài sản trên, mẹ chị không còn để lại di sản nào khác.

Chị không biết thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình là của ai, đây không phải là di sản của mẹ chị để lại.

Chị không có tranh chấp gì, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh G vì di sản duy nhất của mẹ chị để lại đã được ba bố con thống nhất phân chia, anh G đã nhận đủ, đã cam kết không có ý kiến gì, cam kết mẹ chị không còn di sản nào khác, cam kết không làm phiền gì đến ông B.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình:** đã áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, 651 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trường G về việc buộc ông Nguyễn Thọ B phải trả cho anh số tiền 33.000.000 đồng và chia di sản thừa kế là nhà và thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Về kháng cáo:** Ngày 05/10/2023, anh G nộp đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bố anh là ông B phải trả cho anh số tiền 33.000.000 đồng và chia di sản thừa kế là nhà và thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Anh G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tại Biên bản phân chia tài sản thừa kế đề ngày 14/01/2022 của ông B có nội dung thể hiện căn nhà ông B đang ở tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình là tiền thừa kế của ông B, ông B tự mua và xây dựng, văn bản này có chữ ký của 02 người làm chứng và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông B không có chỗ ở, phải ở nhờ là không hợp lý. Anh không có tài liệu nào chứng minh ngôi nhà và thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình là di sản của bà T nhưng anh khẳng định mẹ anh đã mua nhà đất này từ 2017, đề nghị Tòa án chia thừa kế cho anh bằng tiền là 200.000.000 đồng.

Việc ông B trình bày ông B bán căn nhà tại phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh được số tiền 10.800.000.000 đồng là hoàn toàn sai sự thật, ông B bán căn nhà này được số tiền 11.000.000.000 đồng chẵn (sau khi đã trừ tất cả các chi phí) chứ không phải 11.988.000 đồng như bản án sơ thẩm nêu. Phần di sản thừa kế lẽ ra anh được hưởng phải là 1.833.000.000 đồng nhưng đến nay,

anh mới nhận được từ ông B số tiền 1.800.000.000 đồng, còn lại 33.000.000 đồng ông B vẫn cầm. Vì vậy, ông B phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 33.000.000 đồng còn thiếu khi chia di sản.

Anh vẫn thừa nhận sau khi phân chia thừa kế xong, ông B dùng phần tiền của ông để trả nợ cho anh tiền anh nợ nần do anh làm ăn thua lỗ; ông B còn mua nhà, mua xe cho anh nhưng đó là do ông B tự nguyện, anh đã cam kết nhưng nay do anh bệnh tật, đau ốm phải đi viện nên anh vẫn đòi 33.000.000 đồng ông B còn giữ của anh. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh vì hiện nay anh rất cần tiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trường G, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của Nguyên đơn – anh Nguyễn Trường G gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, anh G đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy yêu cầu kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Nguyễn Thọ B vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Thanh H trong cả quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị, ông B trình bày chị H giấu địa chỉ hiện nay và số điện thoại của chị H, mỗi lần gọi cho ông một số điện thoại khác nhau, ông đã thông tin cho chị H về thời gian xét xử vụ án, chị H đề nghị vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Trường G:

- Đối với yêu cầu xem xét ngôi nhà và thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình: theo Biên bản xác minh ngày 07/8/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: nguồn gốc thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09 cũ (tờ bản đồ số 22 theo dữ liệu khu dân cư), địa chỉ: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình đo đạc năm 2007 có diện tích 918,7m² mang tên hộ ông Từ Minh K và bà Nguyễn Thị N; theo bản đồ 299 đo đạc năm 1986 thì thửa đất trên mang tên ông Từ Minh K và bà Nguyễn Thị N, ông K bà N đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG384942 ngày 11/8/2022 (Bút lục số 79,80). Như vậy không có căn cứ pháp lý để khẳng định khối tài sản trên là di sản thừa kế của bà T để lại. Ông B khai ông không có chỗ ở nên ông K bà N cho ông ở nhờ để trông coi, sử dụng (Bút lục 72,73). Tại Bản cam kết của anh Nguyễn Trường G ngày 28/3/2023 với ông B do anh G nộp khi khởi kiện thể hiện anh đã nhận đủ số tiền thừa kế là 1.800.000.000 đồng từ việc bán căn nhà tại thành phố Hồ Chí Minh từ ông B; tài sản tại thôn P, xã T, huyện H là tài sản riêng của ông B, anh không có đóng góp gì vào khối tài sản này, mẹ anh không để lại bất kỳ di sản nào khác, anh cam kết không có ý kiến tranh chấp về di sản mẹ anh để lại. Nay anh lại cho rằng nhà đó là di sản của mẹ anh do mẹ anh mua khoảng năm 2017 nhưng anh không có tài liệu nào để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh G.

Đối với yêu cầu đòi chia thừa kế số tiền 33.000.000 đồng:

Theo Trích lục khai tử, bà Trịnh Thị T chết ngày 05/4/2018, ngày 11/7/2023 anh G khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên còn thời hiệu khởi kiện. Bố mẹ đẻ của bà là cụ Trịnh Xuân T2 chết ngày 28/12/2006 và cụ Nguyễn Thị M chết ngày 12/12/2009 (Bút lục 21, 22), đương sự cung cấp bà T không có con riêng, con nuôi nên xác định diện thừa kế của bà T bao gồm 03 người là ông Nguyễn Thọ B, anh Nguyễn Trường G, chị Nguyễn Thị Thanh H. Bà T chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế đã tự phân chia di sản bà T để lại là căn nhà số B, căn cứ B, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh bằng cách để ông B tiến hành bán căn nhà này, theo anh G khai được số tiền là 11.000.000.000 đồng (sau khi trả chi phí giao dịch và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước), ông B được hưởng 50% giá trị tài sản của ông là 5.500.000.000 đồng và 01 suất thừa kế là 1.833.000.000, anh G và chị H mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế là 1.833.000.000 đồng, ông B mới giao cho anh 1.800.000.000 đồng nên phải trả nốt cho anh số tiền 33.000.000 đồng. Tuy nhiên tại Biên bản phân chia tài sản thừa kế đề ngày 14/01/2022 do anh G nộp thể hiện nội dung những người được quyền thừa kế của bà T đã tự phân chia giá trị căn nhà bán được 10.800.000.000 đồng như sau: Ông B nhận ½ khối tài sản của ông bằng 5.400.000.000 đồng và

1.800.000.000 đồng tiền thừa kế di sản của bà T, tổng cộng bằng 7.200.000.000 đồng; chị H và anh G mỗi người được nhận số tiền 1.800.000.000 đồng. Cả ba người đã nhận đủ số tiền trên, ông B, anh G, 02 người làm chứng đã ký và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Chị H không có mặt, không ký biên bản này nhưng tại “Bản ý kiến trình bày” ngày 18/8/2023 có công chứng, chị H thừa nhận toàn bộ nội dung của biên bản, chị xác định đã nhận đủ số tiền theo suất thừa kế, không có tranh chấp gì.

Anh G cho rằng ông B bán căn nhà trên được số tiền 11.000.000.000 đồng chẵn (sau khi đã trừ tất cả các chi phí) chứ không phải 10.800.000.000 đồng, nhưng anh G không đưa ra được tài liệu, căn cứ nào để chứng minh. Anh cho rằng bản án sơ thẩm xác định anh khai tiền bán nhà là 11.988.000.000 đồng là có sự nhầm lẫn. Anh chỉ biết theo hợp đồng bán nhà có công chứng thì số tiền bán nhà là 1.000.000.000 đồng nhưng thực tế số tiền bán được là 11.000.000.000 đồng. Anh đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ vào thông tin người mua nhà và tài khoản ông B nhận được để xác định. Tuy nhiên, tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở giữa ông Nguyễn Thọ B với ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N1 ngày 15/7/2019 thể hiện giá trị chuyển nhượng căn nhà là 1.000.000.000 đồng. Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 21/9/2023 thể hiện nội dung anh G xác định tiền bán căn nhà này là 1.000.000.000 đồng vì Hợp đồng này có công chứng, anh không lý giải được vì sao bán nhà được 1.000.000.000 đồng nhưng anh lại được nhận phần di sản thừa kế là 1.800.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của anh là có cơ sở. Đối với sự nhầm lẫn về số tiền bán nhà nêu trong bản án sơ thẩm không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đã làm rõ tại phiên tòa.

[3] Từ những phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử thấy:

Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trường G, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trường G.

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, 651 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

2.1 Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trường G về việc buộc ông Nguyễn Thọ B phải trả cho anh số tiền 33.000.000 đồng và chia di sản thừa kế là nhà và thửa đất số 542, tờ bản đồ số 09, diện tích 900m² tại thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2.2 Về án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ số tiền 1.000.000 đồng anh G đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004268 ngày 01/8/2023, còn 700.000 đồng trả lại anh G.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh G đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004361 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/11/2023./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn